TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị L với anh B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Bá Đức.
2. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm: 1982, địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn B, sinh năm: 1975, địa chỉ: Ấp T, xã Q, huyện M, tỉnh Bến Tre (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 7 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn B tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện M, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng thời gian. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và hay cãi nhau. Chị và anh B không còn sống chung với nhau đến nay khoảng 07 năm. Nhận thấy thời gian không sống chung với nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin được ly hôn với anh B.

Trong thời gian chung sống, chị và anh B có 01 con chung tên Đỗ Ánh Kim H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2011, hiện tại đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huyền, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Chị và anh B không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 17/7/2018, bị đơn anh Đỗ Văn B trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị L về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung. Nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm và không thể sống chung với nhau được nữa nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Hiện tại, con chung là Đỗ Ánh Kim H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2011 đang sống chung với chị L. Anh đồng ý để chị tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh không cấp dưỡng cho con.

Trong thời gian chung sống, anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị với anh Đỗ Văn B. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Đỗ Văn B là bị đơn trong vụ án có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Đỗ Văn B chung sống có đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện M, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của chị L và anh B được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị L cho rằng chị và anh B bất đồng quan điểm sống và hay cãi nhau, chị và anh B không sống chung khoảng bảy năm nay, không ai quan tâm gì đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị xin ly hôn với anh B. Anh B cũng thừa nhận anh chị không còn tình cảm như chị L đã trình bày.

Như vậy, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh B đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L để giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

[3] Về con chung: Chị L và anh B có 01 con chung tên là Đỗ Ánh Kim H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2011. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huyền, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại cháu Huyền đang sống với chị L và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị, đồng thời theo ý kiến của anh B nếu anh chị ly hôn thì anh cũng đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo tâm sinh lý của cháu Huyền được ổn định nên cần giao cháu cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng cho con do chị L không có yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh B trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc L. Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Đỗ Văn B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Đỗ Văn B có một con chung tên Đỗ Ánh Kim H, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2011.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Đỗ Ánh Kim H.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc L không yêu cầu anh Đỗ Văn B cấp dưỡng cho con.

Anh Đỗ Văn B được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Đỗ Văn B trình bày không có tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0018732 ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Chị Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Q;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân